



## Nghiên cứu một số quy định đặc thù về thủ tục tố tụng hình sự đối với pháp nhân trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Trịnh Quốc Toàn \*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Ngày nhận 14 tháng 8 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 10 tháng 9 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 9 năm 2018

**Tóm tắt:** Để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm trong thời kì mới, Nhà nước Việt Nam lần đầu tiên đã quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời cũng quy định về thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tác giả bài viết này đã nghiên cứu và phân tích các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về thủ tục tố tụng hình sự đối với pháp nhân để chỉ ra một số điểm bất cập của chúng, đồng thời đã đề xuất một số kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện các quy định ấy.

**Từ khóa:** Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, pháp nhân thương mại, trách nhiệm hình sự của pháp nhân.

### 1. Sự cần thiết quy định riêng có tính đặc thù về thủ tục tố tụng hình sự đối với pháp nhân trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Ở Việt Nam, từ lâu trách nhiệm pháp lí của pháp nhân đã được quy định trong lĩnh vực pháp luật dân sự, kinh tế và hành chính. Tuy nhiên trong lĩnh vực hình sự, một thời gian dài, ngay cả hai lần pháp điển hóa luật hình sự (LHS) với việc ban hành Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1985 và BLHS năm 1999, trách nhiệm hình sự (TNHS) chỉ đặt ra đối với cá

nhân người phạm tội, có nghĩa là chủ thể của tội phạm chỉ có thể là cá nhân người có năng lực TNHS, có lỗi đã thực hiện một tội phạm được quy định trong LHS, còn pháp nhân không phải là chủ thể của tội phạm, không phải chịu TNHS. Trên cơ sở lí luận và xuất phát từ các yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong xử lí các vi phạm pháp luật nghiêm trọng của pháp nhân thương mại (PNTM) trong lĩnh vực kinh tế, môi trường, trật tự an toàn công cộng, góp phần bảo vệ có hiệu quả lợi ích của Nhà nước, xã hội, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân, Nhà nước ta đã có sự đổi mới mang tính đột phá về chính sách hình sự (CSHS) với việc quy định chế định

\* ĐT.: 84-24-37547512.

Email: [quoctoan@vnu.edu.vn](mailto:quoctoan@vnu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4170>

TNHS của PNTM trong BLHS năm 2015 (sửa đổi năm 2017).

PNTM là tổ chức được thành lập và có cơ cấu tổ chức theo quy định của pháp luật, có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình nhằm mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên. PNTM bao gồm doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác (xem các điều 74 và 75 BLDS năm 2015).

PNTM là một thực thể xã hội độc lập, có ý chí, có mong muốn riêng của mình, được xử sự tự do và hưởng quyền tự chủ của chủ thể có thể so sánh với quyền tự chủ của cá nhân và vì vậy nó có năng lực thực hiện tội phạm một cách có lỗi và có thể bị xử lý về hình sự.

Tuy nhiên, PNTM không tự mình thực hiện tội phạm mà phải qua trung gian các cá nhân là người lãnh đạo, điều hành của pháp nhân. Để quy kết tội phạm cho PNTM cần xuất phát từ sự tương tự hình thức giữa PNTM và cá nhân, quy kết sự biểu lộ các quyết định của tập thể vào sự tồn tại một ý chí thống nhất trong cá nhân của người đại diện, người lãnh đạo, điều hành của pháp nhân. Các PNTM có ý chí, mong muốn của riêng mình cùng với tư cách như là của các cá nhân. Khi những người này thực hiện chức năng, nhiệm vụ của PNTM thì ý chí và hành vi của họ được đồng nhất hoá với PNTM, được coi như là ý chí và hành vi của PNTM [1].

PNTM chỉ phải chịu TNHS về tội phạm khi thỏa mãn đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 75 BLHS năm 2015, đó là: i) Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh PNTM; ii) Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của PNTM; iii) Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM; iv) Chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS theo quy định của BLHS năm 2015.

Khác với cá nhân, PNTM do đặc điểm riêng nên nó không có thể thực hiện mọi tội phạm được quy định trong BLHS năm 2015. Theo Điều 76 của Bộ luật này, PNTM chỉ phải chịu TNHS đối với các tội phạm được quy định tại 33 điều luật về tội phạm (các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 200, 203,

209, 210, 211, 213, 216, 217, 225, 226, 227, 232, 234, 235, 237, 238, 239, 242, 243, 244, 245, 246, 300 và 324).

Cũng do đặc điểm đặc thù của pháp nhân nên các biện pháp cưỡng chế hình sự (hình phạt, biện pháp tư pháp) tước hoặc hạn chế tự do thân thể (tử hình, tù chung thân, tù có thời hạn, quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân... bắt buộc chữa bệnh) không thể áp dụng được với pháp nhân như là đối với cá nhân người phạm tội, đồng thời thể thức thi hành án hình sự cũng có điểm khác biệt so với cá nhân...

Chính vì do PNTM là chủ thể của tội phạm có những đặc điểm đặc thù khác so với chủ thể của tội phạm là cá nhân người phạm tội về hành vi phạm tội, phạm vi chịu TNHS, hình thức thực hiện TNHS, quyết định hình phạt, các biện pháp tha miễn TNHS, phương thức thi hành án nên BLTTHS năm 2015 đã quy định bổ sung một chương mới (Chương XXIX) gồm 16 điều (từ Điều 431 đến Điều 446) quy định về thủ tục truy cứu TNHS đối với pháp nhân. Ngoài Chương XXIX, BLTTHS năm 2015 còn sửa đổi, bổ sung một số quy định về pháp nhân ở các chương khác trong Bộ luật này để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án hình sự do PNTM phạm tội.

Theo Điều 431 BLTTHS năm 2015 quy định “đối với pháp nhân bị tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố, bị điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được tiến hành theo quy định của Chương này, đồng thời theo những quy định khác của Bộ luật này không trái với quy định của Chương này”.

PNTM hay cá nhân đều là các chủ thể của tội phạm và là chủ thể của TNHS, bình đẳng trước pháp luật TTHS, do đó, về nguyên tắc, không có thủ tục TTHS dành riêng cho PNTM, mà thủ tục TTHS đối với PNTM được tiến hành theo thủ tục chung, trừ một số quy định đặc thù được áp dụng cho PNTM quy định tại Chương XXIX của BLTTHS năm 2015 cũng như một số quy định về thủ tục chung nhưng chỉ có thể áp dụng đối với cá nhân người bị buộc tội. Điều đó có nghĩa là những quy định về tố giác, báo tin

về tội phạm, kiến nghị khởi tố, bị điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được áp dụng chung cho tất cả các vụ án hình sự, nhưng nếu vụ án liên quan đến PNTM phạm tội là người tham gia tố tụng thì phải thực hiện theo quy định về thủ tục TTHS đối với PNTM ở một số nội dung liên quan đến PNTM được quy định tại Chương XXIX của BLTTHS năm 2015.

Nghiên cứu pháp luật của nhiều nước thừa nhận TNHS của pháp nhân cho thấy về thủ tục TTHS đối với pháp nhân cũng quy định, nhìn chung là như Điều 431 BLTTHS năm 2015 của Việt Nam, tức là đối với pháp nhân áp dụng các quy định về thủ tục TTHS chung như cá nhân, bên cạnh đó cũng quy định một số thủ tục TTHS có tính chất đặc thù áp dụng riêng với pháp nhân bị buộc tội [2].

## **2. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân tham gia tố tụng; quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ**

### *2.1. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân tham gia tố tụng*

*Người đại diện theo pháp luật (NDDPL) của pháp nhân là người do pháp luật hoặc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định để đại diện cho pháp nhân thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của pháp nhân, đại diện cho pháp nhân với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.*

Theo Điều 137 BLDS năm 2015, NDDPL của pháp nhân gồm có: i) Người được pháp nhân chỉ định theo điều lệ; ii) Người có thẩm quyền đại diện theo quy định của pháp luật; iii) Người do Tòa án chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

NDDPL của pháp nhân thường giữ những chức vụ quan trọng trong pháp nhân như Chủ tịch Hội Đồng Thành viên/Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc, phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong

quản trị kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của công ty.

NDDPL trong mỗi loại hình công ty có những chức danh khác nhau và luật quy định khác nhau về việc thành lập riêng doanh nghiệp, ví dụ NDDPL trong doanh nghiệp tư nhân: Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc. Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp tư nhân đều có thể làm Chủ tịch Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám đốc, Giám đốc ở bất kỳ công ty nào, trừ Công ty Cổ phần, tuy nhiên vẫn có thể làm đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần với chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Theo khoản 1 Điều 434 BLTTHS năm 2015 thì mọi hoạt động tố tụng của pháp nhân bị truy cứu TNHS được thông qua NDDPL của pháp nhân. Như vậy, với tư cách là chủ thể của pháp luật TTHS, pháp nhân thông qua NDDPL của mình có quyền và nghĩa vụ tham gia đầy đủ vào các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

Pháp nhân phải cử và bảo đảm cho NDDPL của mình tham gia đầy đủ các hoạt động tố tụng theo yêu cầu của cơ quan, người tiến hành tố tụng có thẩm quyền. Trong trường hợp NDDPL của PNTM thực hiện tội phạm nhân danh pháp nhân, vì lợi ích của pháp nhân, thực hiện tội phạm theo sự lãnh đạo, điều hành hay có sự chấp thuận của pháp nhân và tội phạm được thực hiện chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS thì không chỉ PNTM mà cả NDDPL của pháp nhân này cũng phải chịu TNHS về cùng một tội, tức là việc PNTM chịu TNHS không loại trừ TNHS của cá nhân (khoản 2 Điều 75 BLHS năm 2015).

Trong trường hợp NDDPL của PNTM và PNTM đều bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử cùng một tội hoặc tội phạm khác hoặc không thể tham gia tố tụng được vì bị chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc lí do khác thì pháp nhân (chủ sở hữu pháp nhân, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị) phải cử người khác làm NDDPL của mình tham gia tố tụng. Trường hợp thay đổi NDDPL trong quá trình tố tụng PNTM pháp nhân phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng biết.

Theo quy định của BLDS năm 2015 cũng như Luật Doanh nghiệp năm 2014, một pháp nhân có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật và mỗi người đại diện có quyền đại diện cho pháp nhân trong phạm vi đại diện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; điều lệ của pháp nhân; nội dung ủy quyền; quy định khác của pháp luật. Trong trường hợp PNTM có nhiều người đại diện theo pháp luật thì pháp nhân cần phải lựa chọn cử ra một NĐDPL của pháp nhân trực tiếp bị buộc tội tham gia tố tụng.

Để cho quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử được kịp thời và nhanh chóng, bảo đảm được quyền và nghĩa vụ của pháp nhân là bị can, bị cáo, Điều 434 quy định tại thời điểm khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử mà pháp nhân không có người đại diện vì nhiều lý do khác nhau hoặc có nhiều người cùng là đại diện theo pháp luật mà không lựa chọn được người đại diện tham gia tố tụng thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định một người đại diện cho pháp nhân tham gia tố tụng.

NĐDPL của pháp nhân tham gia tố tụng phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng họ tên, ngày, tháng, năm sinh, quốc tịch, dân tộc, tôn giáo, giới tính, nghề nghiệp, chức vụ của mình; nếu có sự thay đổi những thông tin này thì phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Quy định này nhằm tạo điều kiện cho pháp nhân thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời cũng tạo thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện các hoạt động tố tụng theo quy định của BLTTHS năm 2015 [3].

## 2.2. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân

Theo Điều 434 BLTTHS năm 2015 quy định mọi hoạt động tố tụng của pháp nhân bị truy cứu TNHS được thông qua NĐDPL của pháp nhân. Quyền và nghĩa vụ của pháp nhân bị buộc tội được thực hiện thông qua NĐDPL của pháp nhân. Như vậy, những quyền và nghĩa vụ của NĐDPL của pháp nhân được quy định tại

Điều 435 BLTTHS năm 2015 thực chất đó là quyền và nghĩa vụ của pháp nhân. NĐDPL của pháp nhân thực hiện quyền và nghĩa vụ của pháp nhân trong từng giai đoạn TTHS khác nhau (khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử) với tư cách người tham gia tố tụng khác nhau.

### 2.2.1. Quyền của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân

i) Được thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm;

ii) Được biết lý do pháp nhân mà mình đại diện bị khởi tố;

iii) Được thông báo, được giải thích về quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này;

iv) Được nhận quyết định khởi tố bị can đối với pháp nhân; quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can đối với pháp nhân; quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can đối với pháp nhân; quyết định phê chuẩn quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can đối với pháp nhân; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp cưỡng chế; bản kết luận điều tra; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án; bản cáo trạng; quyết định đưa vụ án ra xét xử; bản án, quyết định của Tòa án và quyết định tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này;

v) Trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại pháp nhân mà mình đại diện hoặc buộc phải thừa nhận pháp nhân mà mình đại diện có tội;

vi) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu;

vii) Đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tố tụng hình sự, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật theo quy định của Bộ luật này;

viii) Tự bào chữa, nhờ người bào chữa cho pháp nhân;

ix) Được đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu đã được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa cho pháp nhân kể từ khi kết thúc điều tra khi có yêu cầu;

x) Tham gia phiên tòa, đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi những người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý; tranh luận tại phiên tòa;

xi) Phát biểu ý kiến sau cùng trước khi nghị án;

xii) Xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa;

xiii) Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án;

xiv) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

2.2.2. Nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân

i) Có mặt theo giấy triệu tập của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Trường hợp vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì có thể bị dẫn giải;

ii) Chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Điều 435 của BLTTHS năm 2015 đã quy định rõ 14 nhóm quyền và 2 nhóm nghĩa vụ của NĐDPL của pháp nhân. Nhìn chung tuyệt đại đa số các quyền và nghĩa vụ đó là giống với các quyền và nghĩa vụ của người bị buộc tội (các điều 60, 61 BLTTHS năm 2015) và có tính đến đặc điểm đặc thù của PNTM bị buộc tội cũng như NĐDPL của pháp nhân.

### 3. Triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân

Pháp nhân là một thực thể xã hội không phải là con người cụ thể nên không thể có mặt theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng mà phải thông qua người đại diện theo pháp luật của mình. Vì thế BLTTHS năm 2015 đã quy định rõ địa vị pháp lý của NĐDPL của pháp nhân tại các điều 434, 435.

Trong từng giai đoạn của quá trình giải quyết vụ án hình sự, người có thẩm quyền tố tụng có thể triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân bị buộc tội khi thấy cần sự có mặt của họ. Khi triệu tập NĐDPL của pháp nhân, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải gửi giấy triệu tập.

Cũng như giấy triệu tập đối với cá nhân người bị buộc tội (bị can, bị cáo), giấy triệu tập NĐDPL của pháp nhân ghi rõ họ tên, chỗ ở hoặc làm việc của họ; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm có mặt, gặp ai và trách nhiệm về việc vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan.

Giấy triệu tập được gửi cho NĐDPL của pháp nhân hoặc pháp nhân nơi người đó làm việc hoặc chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú. Cơ quan, tổ chức nhận được giấy triệu tập có trách nhiệm chuyển ngay giấy triệu tập cho NĐDPL của pháp nhân. Khi nhận giấy triệu tập, người này phải ký nhận và ghi rõ ngày, giờ nhận. Người chuyển giấy triệu tập phải chuyển phần giấy triệu tập có ký nhận của người đại diện cho cơ quan đã triệu tập; nếu họ không ký nhận thì phải lập biên bản về việc đó và gửi cho cơ quan triệu tập; nếu họ vắng mặt thì có thể giao giấy triệu tập cho một người đủ 18 tuổi trở lên trong gia đình để ký xác nhận và chuyển cho người đại diện.

NĐDPL của pháp nhân phải có mặt theo giấy triệu tập. Trường hợp vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, thì người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể ra quyết định dẫn giải. Còn vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan như ốm đau phải điều trị ở bệnh viện, tai nạn giao thông, thiên tai bão lụt, điều động đi công tác đặc biệt không thể có mặt theo giấy triệu tập thì có thể đó là trường hợp vắng mặt có lý do.

### 4. Biện pháp cưỡng chế đối với pháp nhân

#### 4.1. Khái niệm

Các biện pháp cưỡng chế TTHS đối với PNTM là cách thức thực hiện quyền lực nhà nước do cơ quan, người có thẩm quyền tố tụng áp dụng đối với PNTM theo những trình tự, thủ tục do luật TTHS quy định nhằm ngăn ngừa PNTM tiếp tục phạm tội mới, gây khó khăn hoặc cản trở các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và bảo đảm thi hành án liên quan đến phạt tiền, bồi thường thiệt hại được thuận lợi, đồng

thời góp phần tích cực vào việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của luật TTHS.

Điều 436 BLTTHS năm 2015 quy định 04 loại biện pháp cưỡng chế mà Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể áp dụng đối với pháp nhân bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, đó là: 1) Kê biên tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân; 2) Phong tỏa tài khoản của pháp nhân liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân; 3) Tạm đình chỉ có thời hạn hoạt động của pháp nhân liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân; 4) Buộc nộp một khoản tiền để bảo đảm thi hành án.

Nghiên cứu các biện pháp cưỡng chế đối với pháp nhân có thể rút ra một số nội dung cần lưu ý sau:

- Việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với PNTM phải xuất phát từ những yêu cầu thực tế của quá trình tố tụng giải quyết vụ án hình sự và tuân theo những nguyên tắc cơ bản có liên quan trong TTHS được thể hiện tại Chương II BLTTHS năm 2015.

- Các biện pháp cưỡng chế đối với PNTM không phải là các biện pháp điều tra thu thập chứng cứ mà là các biện pháp bảo đảm thi hành án hoặc ngăn ngừa pháp nhân tiếp tục thực hiện tội phạm mới, gây ra những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, môi trường, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

- Đối với mỗi biện pháp cưỡng chế áp dụng với PNTM, BLTTHS năm 2015 quy định cụ thể, tương đối hoàn chỉnh về đối tượng áp dụng, nội dung, căn cứ, thẩm quyền và trình tự, thủ tục áp dụng nhằm ngăn chặn những hành vi trái pháp luật từ phía Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân có liên quan.

- Biện pháp cưỡng chế đối với PNTM được tùy nghi (lựa chọn) áp dụng trong những trường hợp người tiến hành tố tụng thấy là cần thiết, dựa theo những căn cứ luật định. Khi tiến hành các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án hình sự cụ thể, người tiến hành tố tụng phải xem xét toàn diện các tình tiết liên quan đến vụ án để đánh giá có nên áp dụng hay không áp dụng, áp dụng một hay nhiều biện pháp cưỡng chế này đối với pháp nhân bị buộc tội.

- Đối với những biện pháp cưỡng chế đã được áp dụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan có thẩm quyền THTT cũng cần phải thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp và sự cần thiết của từng biện pháp cưỡng chế đó để kịp thời hủy bỏ hoặc thay thế khi có căn cứ chấm dứt biện pháp cưỡng chế hoặc khi thấy không còn cần thiết.

- Thời hạn áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với pháp nhân bị truy cứu TNHS không được vượt quá thời hạn điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của BLTTHS năm 2015.

#### 4.2. Kê biên tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân

Kê biên tài sản là biện pháp cưỡng chế TTHS do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng áp dụng đối với bị can, bị cáo là PNTM nhằm bảo đảm thi hành phần dân sự trong vụ án hình sự.

Điều 437 BLTTHS năm 2015 quy định biện pháp cưỡng chế này đối với PNTM bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử nhằm ngăn chặn pháp nhân định đoạt, tẩu tán tài sản, bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án, góp phần tăng cường hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Biện pháp này được áp dụng đối với PNTM bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, tài trợ cho khủng bố, rửa tiền mà BLHS quy định hình phạt tiền hoặc để bảo đảm bồi thường thiệt hại, bồi hoàn.

Khi áp dụng biện pháp cưỡng chế này cơ quan tiến hành tố tụng chỉ kê biên phần tài sản (vật, tiền, giấy tờ có giá, quyền tài sản) của PNTM tương ứng với mức có thể bị tịch thu, phạt tiền hoặc bồi thường thiệt hại căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, mức độ gây thiệt hại của tội phạm.

Tài sản bị kê biên được giao cho người đứng đầu PNTM có trách nhiệm bảo quản. Người đứng đầu PNTM là: NĐDPL của pháp nhân được pháp nhân chỉ định theo điều lệ; Người có thẩm quyền đại diện theo quy định của pháp luật; Người do Tòa án chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án (Khoản 1 Điều 137 BLDS năm 2015). Nếu người đứng đầu pháp nhân quản lý tài sản kê biên lại để xảy ra việc tiêu dùng, sử dụng trái phép, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu, hủy hoại tài sản bị kê biên thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và có thể bị truy cứu TNHS nếu hành vi của người này thỏa mãn các dấu hiệu pháp lý về tội vi phạm việc niêm phong, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản theo Điều 385 BLHS năm 2015.

Những người có thẩm quyền áp dụng biện pháp kê biên tài sản đối với PNTM bị truy cứu TNHS là: a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra (CQĐT) các cấp. Trường hợp này, lệnh kê biên tài sản phải được Viện Kiểm sát (VKS) cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành; b) Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKS nhân dân và Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát quân sự (VKSQS) các cấp; c) Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân (TAND) và Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quân sự (TAQS) các cấp; Hội đồng xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa. Lệnh kê biên tài sản của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT phải được thông báo ngay cho VKS cùng cấp trước khi thi hành.

Khi kê biên tài sản của PNTM sự có mặt của những người sau là bắt buộc: NĐDPL của pháp nhân; đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi pháp nhân có tài sản bị kê biên và người chứng kiến. Quy định này nhằm bảo đảm hoạt động kê biên tài sản từ phía các cơ quan,

người có thẩm quyền đúng các quy định pháp luật, tránh sự xâm hại tới các quyền, lợi ích hợp pháp của pháp nhân.

Người tiến hành kê biên tài sản phải lập biên bản, ghi rõ tên và tình trạng của từng loại tài sản bị kê biên. Biên bản này phải đọc công khai cho mọi người có mặt nghe và cùng kí tên vào biên bản.

#### *4.3. Phong tỏa tài khoản liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân*

Phong tỏa tài khoản là một trong những biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự và là một trong những biện pháp cưỡng chế trong TTHS. Tài khoản đã bị phong tỏa sẽ hoàn toàn không được hoạt động nhận tiền chuyển vào, rút ra. Số phát sinh nợ, có, tồn cuối kì được giữ nguyên hiện trạng. Chủ tài khoản hoặc bất cứ ai cũng không thể thực hiện bất cứ hoạt động kinh doanh nào trên tài khoản đó nữa.

Phong tỏa tài khoản là biện pháp cưỡng chế trong TTHS được áp dụng đối với người bị buộc tội, trong đó bao gồm cả cá nhân và pháp nhân (Điều 129 và Điều 438 BLTTHS năm 2015).

Theo Điều 438 BLTTHS năm 2015, phong tỏa tài sản được áp dụng đối với PNTM bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội xâm phạm trật tự kinh tế, môi trường, tài trợ cho khủng bố, rửa tiền mà BLHS quy định hình phạt tiền hoặc để bảo đảm bồi thường thiệt hại và có căn cứ xác định PNTM có tài khoản tại tổ chức tín dụng hoặc Kho bạc nhà nước.

Biện pháp phong tỏa tài khoản không chỉ áp dụng đối với PNTM bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử mà còn được áp dụng đối với tài khoản của cá nhân, tổ chức khác nếu có căn cứ xác định số tiền trong tài khoản đó liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân.

Khi phong tỏa tài khoản của PNTM là bị can, bị cáo, cơ quan THTT chỉ phong tỏa số tiền trong tài khoản tương ứng với mức có thể bị phạt tiền hoặc bồi thường thiệt hại căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm cũng như mức độ thiệt hại do tội phạm

gây ra. Như vậy, phong tỏa tài khoản chỉ phong tỏa với số tiền đủ cho bảo đảm thi hành án phạt tiền hoặc bồi thường thiệt hại chứ không được phong tỏa toàn bộ số tiền trong tài khoản của PNTM bị buộc tội.

Những người có thẩm quyền áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản cũng tương tự như là những người có thẩm quyền áp dụng biện pháp kê biên tài sản, đó là: a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT các cấp. Trường hợp này, lệnh phong tỏa tài khoản phải được VKS cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành; b) Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKSND và Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKSQS các cấp; c) Chánh án, Phó Chánh án TAND và Chánh án, Phó Chánh án TAQS các cấp; Hội đồng xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa. Lệnh phong tỏa tài khoản của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT phải được thông báo ngay cho VKS cùng cấp trước khi thi hành.

Việc phong tỏa tài khoản phải có lệnh của cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền nêu trên, trong đó phải ghi rõ số tiền cụ thể bị phong tỏa. Khi tiến hành phong tỏa tài khoản, cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền phong tỏa tài khoản phải giao quyết định phong tỏa tài khoản cho đại diện tổ chức tín dụng (ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân) hoặc Kho bạc Nhà nước đang quản lý tài khoản của pháp nhân hoặc tài khoản của cá nhân, tổ chức khác liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân.

Ngay sau khi nhận được lệnh phong tỏa tài khoản của PNTM là bị can, bị cáo hoặc của cá nhân, tổ chức khác liên quan đến hành vi phạm tội của PNTM, tổ chức tín dụng hoặc Kho bạc nhà nước quản lý tài khoản của các đối tượng trên phải thực hiện ngay lệnh phong tỏa tài khoản và phải lập thành biên bản. Biên bản phong tỏa tài khoản được lập thành văn bản giao cho người đứng đầu của pháp nhân bị buộc tội, cá nhân, tổ chức có liên quan đến hành vi phạm tội của PNTM, gửi Viện Kiểm sát cùng cấp, lưu trong hồ sơ vụ án, lưu tại tổ chức tín dụng hoặc Kho bạc nhà nước.

Trong trường hợp người được giao thực hiện lệnh phong tỏa tài khoản, quản lý tài khoản bị phong tỏa mà lại giải tỏa việc phong tỏa tài khoản mà không có quyết định của người có thẩm quyền thì có thể bị truy cứu TNHS theo Điều 385 BLHS về tội vi phạm việc niêm phong, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản.

#### *4.4. Tạm đình chỉ có thời hạn hoạt động của pháp nhân liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân*

Điều 439 BLTTHS năm 2015 quy định biện pháp tạm đình chỉ có thời hạn hoạt động của PNTM liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân. Biện pháp cưỡng chế này được áp dụng với pháp nhân bị truy cứu TNHS là nhằm ngăn ngừa PNTM tiếp tục thực hiện các hoạt động đó để phạm tội mới, gây ra những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, môi trường, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Tạm đình chỉ hoạt động của PNTM bị khởi tố, điều tra, truy tố phải được hiểu là tạm ngừng trong một thời gian nhất định một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của PNTM gây thiệt hại hoặc có khả năng gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe con người, môi trường hoặc an ninh trật tự, an toàn xã hội.

PNTM thường hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau thể hiện trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của pháp nhân. Cho nên khi áp dụng biện pháp cưỡng chế này đối với PNTM bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền cần phải nghiên cứu, xem xét từng lĩnh vực hoạt động của PNTM để đi đến kết luận có căn cứ xác định hành vi phạm tội của pháp nhân trong lĩnh vực hoạt động cụ thể đã gây thiệt hại hoặc có khả năng gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe con người, ảnh hưởng đến môi trường hoặc an ninh, an toàn xã hội. Cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền chỉ quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ có thời hạn đối



với một hoặc một số hoạt động trong lĩnh vực nhất định của PNTM đã gây ra hoặc có khả năng gây ra thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe con người hoặc đối với môi trường, an ninh, an toàn xã hội, chứ không nhất thiết phải tạm đình chỉ toàn bộ các hoạt động của pháp nhân. Tất nhiên, nếu hành vi phạm tội xảy ra trong tất cả các hoạt động của PNTM gây ra và có khả năng gây ra những hậu quả tác hại nêu trên thì cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền có thể quyết định tạm đình chỉ toàn bộ hoạt động của PNTM trong thời hạn nhất định.

Tạm đình chỉ có thời hạn hoạt động của PNTM có ảnh hưởng lớn đến không chỉ hoạt động bình thường của PNTM mà còn đối với cán bộ, nhân viên, người lao động làm việc trong pháp nhân nên việc áp dụng cần thận trọng, chỉ khi có đủ căn cứ mới áp dụng.

Những người có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động của PNTM là: a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT các cấp. Trường hợp này, quyết định tạm đình chỉ hoạt động của pháp nhân phải được VKS cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành; b) Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKSND và Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKSQS các cấp; c) Chánh án, Phó Chánh án TAND và Chánh án, Phó Chánh án TAQS các cấp; Hội đồng xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

Thời hạn áp dụng biện pháp cưỡng chế này không quá thời hạn điều tra, truy tố, xét xử; thời hạn tạm đình chỉ đối với PNTM bị kết án kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm PNTM chấp hành án.

#### 4.5. Buộc nộp một khoản tiền để bảo đảm thi hành án

Biện pháp cưỡng chế TTHS này quy định tại Điều 439 BLTTHS năm 2015, được áp dụng đối với PNTM bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử nhằm bảo đảm việc thi hành án phạt tiền hoặc bồi thường thiệt hại về tội mà BLHS quy định hình phạt tiền hoặc để bảo đảm bồi thường thiệt hại.

Khoản tiền để bảo đảm thi hành án gồm có tiền nộp để bảo đảm thi hành án phạt tiền và tiền nộp để bảo đảm thi hành nghĩa vụ bồi thường. PNTM bị buộc tội chỉ buộc nộp một khoản tiền để bảo đảm thi hành án tương ứng với mức có thể bị phạt tiền hoặc bồi thường thiệt hại. Theo Điều 4 Nghị định số 115/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2017 thì mức tiền nộp để bảo đảm thi hành án phạt tiền do cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền quyết định trong từng trường hợp cụ thể nhưng không dưới 50% và không cao hơn mức phạt tiền cao nhất quy định tại điều khoản được áp dụng để khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với PNTM.

Những người có thẩm quyền ra quyết định buộc nộp một khoản tiền để bảo đảm thi hành án cũng tương tự như biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của PNTM, đó là: a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT các cấp. Trường hợp này, quyết định tạm đình chỉ hoạt động của pháp nhân phải được VKS cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành; b) Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKSND và Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKSQS các cấp; c) Chánh án, Phó Chánh án TAND và Chánh án, Phó Chánh án TAQS các cấp; Hội đồng xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

Nghị định số 115/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2017 quy định về trình tự, thủ tục, mức tiền mà PNTM bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử phải nộp để bảo đảm thi hành án (bao gồm thi hành hình phạt tiền và thi hành nghĩa vụ bồi thường thiệt hại); việc tạm giữ, hoàn trả, nộp ngân sách nhà nước số tiền đã nộp để bảo đảm thi hành án.

Điều 5 của Nghị định số 115/2017/NĐ-CP quy định trình tự, thủ tục nộp tiền để bảo đảm thi hành án. Theo đó, trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền THTT về việc áp dụng biện pháp buộc nộp một khoản tiền để bảo đảm thi hành án, pháp nhân bị áp dụng biện pháp này phải hoàn thành việc nộp tiền. Pháp nhân thực hiện việc nộp tiền bằng chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt để bảo đảm thi hành án qua các kênh giao

dịch của ngân hàng. Ngân hàng cấp chứng từ nộp tiền hoặc chứng từ chuyển tiền theo yêu cầu của PNTM để nộp cho cơ quan tiến hành tố tụng đã ra quyết định áp dụng biện pháp buộc nộp một khoản tiền để bảo đảm thi hành án [4].

### **5. Những vấn đề cần phải chứng minh khi tiến hành tố tụng đối với pháp nhân bị buộc tội**

Những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự được ghi nhận là cơ sở của TNHS, đó là sự việc phạm tội, người thực hiện tội phạm và các tình tiết khác có liên quan đến vụ án. Các hoạt động TTHS của các cơ quan có thẩm quyền tố tụng hình sự đều hướng tới mục đích làm rõ có hành vi phạm tội xảy ra hay không, ai là chủ thể của tội phạm, mức độ TNHS và hình phạt được áp dụng như thế nào. Muốn vậy, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ TNHS của người bị buộc tội. Điều 441 BLTTHS năm 2015 quy định những vấn đề CQĐT, VKS, Tòa án cần phải chứng minh khi tiến hành tố tụng đối với PNTM bị buộc tội để xác định đúng bản chất của vụ án.

Theo Điều 441 BLTTHS năm 2015, khi điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự đối với PNTM, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần phải chứng minh: i) Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội thuộc TNHS của pháp nhân theo quy định của BLHS; ii) Lỗi của pháp nhân, lỗi của cá nhân là thành viên của pháp nhân; iii) Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội của pháp nhân gây ra; iv) Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS và tình tiết khác liên quan đến miễn hình phạt; v) Nguyên nhân và điều kiện phạm tội.

Những nội dung trên các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần phải làm sáng tỏ trong quá trình chứng minh bản chất của vụ án. Do tính chất, mức độ, hoàn cảnh, các tình tiết

khách quan, chủ quan của các tội phạm không giống nhau nên những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án pháp nhân bị buộc tội có phạm vi và yêu cầu không giống nhau. Cho nên, trên cơ sở những nội dung quy định tại Điều 441 BLTTHS năm 2015, trong mỗi vụ án, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần xác định giới hạn, phạm vi chứng minh phù hợp với tình hình cụ thể để có phương hướng giải quyết vụ án đúng, nhanh chóng làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, tránh hoạt động điều tra tràn lan hoặc làm lọt tội phạm.

Những vấn đề cần phải chứng minh khi tiến hành tố tụng đối với pháp nhân bị buộc tội được quy định tại Điều 441 BLTTHS năm 2015 có thể phân chia thành hai nhóm: i) Những vấn đề chứng minh thuộc về bản chất vụ án; ii) Những vấn đề cần phải chứng minh ảnh hưởng đến việc xác định TNHS và quyết định hình phạt.

#### *5.1. Những vấn đề chứng minh thuộc về bản chất vụ án*

Cũng như trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự đối với người bị buộc tội, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải làm sáng tỏ những dấu hiệu đặc trưng, điển hình, bắt buộc trong cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS. Những nội dung cần phải chứng minh thuộc về các yếu tố cấu thành tội phạm là các vấn đề thuộc về bản chất của vụ án, đó là:

- Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội thuộc TNHS của pháp nhân theo quy định của BLHS.

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự, có lỗi và phải chịu hình phạt. Khi hành vi nguy hiểm cho xã hội xảy ra có dấu hiệu của tội phạm và không thuộc các trường hợp không khởi tố vụ án hình sự thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và áp dụng các biện pháp hợp pháp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình để thu thập chứng cứ nhằm chứng minh có hay không có hành vi phạm tội thực tế xảy ra. Những tình tiết liên quan đến tội phạm như:

Công cụ, phương tiện thực hiện phạm tội, phương pháp, thủ đoạn, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh phạm tội thời gian, địa điểm... như thế nào. Những vấn đề cần phải chứng minh trên thuộc về khách thể và mặt khách quan của tội phạm.

- Lỗi của pháp nhân, lỗi của cá nhân là thành viên của pháp nhân.

Nếu đã chứng minh được hành vi phạm tội trên thực tế đã xảy ra, thì câu hỏi tiếp theo cần phải làm rõ là ai đã thực hiện hành vi phạm tội ấy, tức là phải xác định được chủ thể của tội phạm đã thực hiện, chủ thể thực hiện hành vi phạm tội có năng lực TNHS không, có lỗi hay không và là lỗi gì (cố ý hay vô ý), động cơ, mục đích phạm tội như thế nào. Những vấn đề cần phải chứng minh trên thuộc về các dấu hiệu của chủ thể tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm, có ý nghĩa xác định người thực hiện hành vi có phải chịu TNHS không.

Trong khi tiến hành tố tụng đối với PNTM bị buộc tội, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trước hết cần phải xác định được là hành vi phạm tội thực tế có phải là do thành viên của pháp nhân (người đứng đầu pháp nhân, người lãnh đạo, người điều hành, người được ủy quyền hoặc thành viên khác) thực hiện không. Người này có năng lực TNHS và có lỗi khi thực hiện hành vi phạm tội không và lỗi gì (cố ý hay vô ý), mức độ lỗi như thế nào, động cơ, mục đích phạm tội là gì. Bên cạnh đó cần phải chứng minh được là thành viên của pháp nhân đã nhân danh PNTM thực hiện hành vi phạm tội và hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của PNTM và có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM, hành vi phạm tội chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của BLHS năm 2015.

Nếu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã sử dụng những biện pháp hợp pháp thu thập các chứng cứ chứng minh được là hành vi phạm tội do thành viên của pháp nhân thực hiện là một trong những tội phạm quy định tại 33 điều luật về tội phạm của BLHS được liệt kê tại Điều 76 BLHS, đồng thời hành vi phạm tội

được thành viên của PNTM thực hiện nhân danh pháp nhân, vì lợi ích của pháp nhân và có sự lãnh đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM và không thuộc trường hợp hết thời hiệu truy cứu TNHS thì không chỉ xác định được thành viên của PNTM phạm tội và phải chịu TNHS mà đối với cả PNTM cũng phải chịu TNHS về hành vi phạm tội của thành viên PNTM. Việc quy kết TNHS đối với PNTM trong trường hợp này theo nguyên tắc đồng nhất hóa và đồng thời cũng theo quy định tại khoản 2 Điều 76 BLHS năm 2015 là “việc PNTM chịu TNHS không loại trừ TNHS của cá nhân” về cùng một tội phạm [5]. Trong trường hợp này thông thường cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đồng thời cá nhân thành viên của PNTM và PNTM trong cùng vụ án.

Trong trường hợp chứng minh được là thành viên của PNTM thực hiện hành vi phạm tội có thể nhân danh pháp nhân nhưng không vì lợi ích pháp nhân mà vì lợi ích riêng của cá nhân hoặc không có sự lãnh đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM thì TNHS chỉ đặt ra đối với riêng thành viên đó, pháp nhân mà người này là thành viên không phải chịu TNHS. Một khả năng khác, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xác định được là thành viên của PNTM thực hiện hành vi phạm tội nhân danh PNTM, vì lợi ích của PNTM và có sự lãnh đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM và không thuộc trường hợp hết thời hiệu truy cứu TNHS. Nhưng thành viên này lại thực hiện hành vi phạm tội không thuộc một trong những tội phạm quy định tại Điều 76 BLHS. Trong trường hợp này PNTM không phải chịu TNHS về hành vi phạm tội trên của thành viên pháp nhân mà chỉ có thành viên của PNTM phải chịu TNHS về hành vi phạm tội của mình.

Để truy cứu TNHS đối với PNTM, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần phải chứng minh những vấn đề thuộc về thành viên của pháp nhân đã nêu trên, để xác định PNTM có hay không phải chịu TNHS do hành vi phạm tội của thành viên pháp nhân gây ra. Bên cạnh đó, cơ quan có thẩm quyền

tiến hành tố tụng cũng cần phải xác định được địa vị pháp lí của pháp nhân: pháp nhân đó có phải là PNTM không (theo Điều 74 và 75 BLDS năm 2015), có tư cách pháp nhân không, lỗi và mức độ lỗi của pháp nhân liên quan đến tội phạm đã thực hiện,...

Như vậy, khi tiến hành tố tụng đối với pháp nhân bị buộc tội cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chứng minh những vấn đề thuộc về các yếu tố cấu thành tội phạm không chỉ của PNTM mà còn của cá nhân thành viên của pháp nhân. Bởi vì, chỉ có hành vi phạm tội của cá nhân thành viên PNTM mới có hành vi phạm tội của PNTM. PNTM thực hiện hành vi phạm tội thông qua hành vi phạm tội của thành viên pháp nhân (người đại diện theo pháp luật của pháp nhân, người được ủy quyền hoặc những thành viên lãnh đạo khác của pháp nhân).

### 5.2. Những vấn đề chứng minh thuộc về ảnh hưởng đến việc xác định trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt

Ngoài nhiệm vụ chứng minh những vấn đề thuộc về bản chất của vụ án, tức là xác định tội danh và chủ thể phải chịu TNHS (cá nhân, PNTM phạm tội), cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chứng minh những vấn đề xác định mức độ chịu TNHS của cá nhân người phạm tội là thành viên của pháp nhân và PNTM phạm tội, nếu bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử trong cùng vụ án.

Đối với cá nhân người phạm tội là thành viên của pháp nhân, các vấn đề cần chứng minh khi tiến hành tố tụng để xác định mức độ TNHS, quyết định hình phạt được quy định tại Điều 85 BLTTHS năm 2015. Còn đối với PNTM bị buộc tội, khi tiến hành tố tụng cần phải làm sáng tỏ những vấn đề thuộc về căn cứ quyết định hình phạt được quy định tại Điều 83 BLHS năm 2015, đó là: Căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, việc chấp hành pháp luật của PNTM và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS áp dụng đối với PNTM.

Điều 441 BLTTHS năm 2015 nhấn mạnh, những vấn đề cần phải chứng minh khi tiến hành tố tụng đối với PNTM bị buộc tội, đó là:

- Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội của PNTM gây ra;

Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội của PNTM gây ra cho quan hệ xã hội được LHS bảo vệ và bị tội phạm xâm hại. Như vậy, khi xác định tính chất và mức độ gây thiệt hại do hành vi phạm tội của pháp nhân gây ra cần phải thu thập các chứng cứ chứng minh quan hệ xã hội nào bị tội phạm xâm hại, mức độ gây thiệt hại như thế nào, hành vi phạm tội đó có phải là nguyên nhân dẫn đến hậu quả thiệt hại đó không... Trên cơ sở đánh giá khách quan toàn diện các tình tiết đó mới có thể xác định được tính chất và mức độ thiệt hại do tội phạm của PNTM gây ra.

- Việc chấp hành pháp luật của PNTM trong cả quá trình từ trước và sau khi bị truy cứu TNHS để xem xét khả năng đạt được mục đích của TNHS và hình phạt cũng như các biện pháp cưỡng chế hình sự khác;

- Những tình tiết giảm nhẹ TNHS, những tình tiết tăng nặng TNHS và những tình tiết khác liên quan đến miễn hình phạt.

Để có thể quyết định hình phạt đúng, khi tiến hành tố tụng đối với pháp nhân bị buộc tội cần phải thu thập chứng cứ để chứng minh có tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại Điều 84 BLHS năm 2015 cũng như các tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại Điều 85 BLHS năm 2015 không.

Đồng thời cũng phải chứng minh có những tình tiết PNTM phạm tội đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra không để có thể được miễn hình phạt.

Ngoài ra, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cũng phải xác minh làm rõ những tình tiết là nguyên nhân và điều kiện phạm tội để yêu cầu PNTM bị buộc tội có những biện pháp kịp thời để khắc phục nhằm ngăn ngừa pháp nhân tái phạm tội mới.

Những vấn đề cần phải chứng minh khi tiến hành tố tụng đối với pháp nhân bị buộc tội có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, là mục tiêu mà các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải làm sáng tỏ toàn bộ quá trình giải quyết vụ án hình sự đối với PNTM bị buộc tội.

## 6. Kết luận và kiến nghị

Những quy định của BLTTHS năm 2015 về thủ tục tố tụng có tính chất đặc thù áp dụng đối với pháp nhân là những quy định mới tạo ra cơ sở pháp lý cơ bản để các cơ quan có thẩm quyền TTTH khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với PNTM. Bên cạnh đó, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, thiếu sót cần nghiên cứu tiếp tục sửa đổi, bổ sung hoàn thiện trong thời gian tới, đó là:

*Thứ nhất*, BLHS năm 2015 (sửa đổi năm 2017) quy định TNHS chỉ đặt ra đối với PNTM chứ không phải cho tất cả các loại pháp nhân nói chung, trong khi đó BLTTHS năm 2015 lại quy định TNHS của pháp nhân nói chung, vì vậy, BLTTHS năm 2015 cần phải sửa đổi lại cho thống nhất với BLHS năm 2015.

*Thứ hai*, cá nhân và pháp nhân đều là chủ thể của tội phạm cho nên những quy định chung của BLTTHS năm 2015 về trình tự, thủ tục tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và một số thủ tục thi hành án hình sự; nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; cơ quan, tổ chức, cá nhân; hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự được áp dụng đối với cả cá nhân và pháp nhân. Nhưng do pháp nhân có những đặc điểm riêng biệt liên quan đến hành vi phạm tội, phạm vi chịu TNHS, hình phạt, biện pháp tư pháp, quyết định hình phạt, các biện pháp tha miễn TNHS, phương thức thi hành án nên một mặt, một số quy định chung không thể áp dụng được đối với pháp nhân, đồng thời mặt khác cần quy định những nội

dung mới để tương thích với thủ tục truy cứu TNHS pháp nhân, vì vậy nên sửa đổi Điều 431 BLTTHS năm 2015 như sau: *Trình tự, thủ tục tố tụng đối với pháp nhân bị tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố, bị điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được tiến hành theo các quy định chung của Bộ luật này, trừ những quy định chỉ có thể áp dụng đối với cá nhân người bị buộc tội và đồng thời không trái với các quy định của Chương này.*

*Thứ ba*, trong trường hợp pháp nhân không thể cử người khác làm NĐDPL vì do những nguyên nhân, như trong trường hợp NĐDPL của PNTM và PNTM đều bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử cùng một tội hoặc phạm tội khác hoặc không thể tham gia tố tụng được vì bị chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc lí do khác thì pháp nhân có thể chỉ định người khác là *người đại diện theo ủy quyền* của pháp nhân tham gia tố tụng. Đoạn 2 Khoản 1 Điều 434 BLTTHS năm 2015 nên quy định: *Trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp nhân bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử hoặc không thể tham gia tố tụng được thì pháp nhân phải cử người khác làm người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của mình tham gia tố tụng.* Quy định như vậy sẽ phù hợp với quy định về đại diện tại Chương IX BLDS năm 2015, Luật Doanh nghiệp năm 2014 (Từ Điều 13 đến Điều 16) và cũng sẽ phù hợp với thực tiễn áp dụng.

*Thứ tư*, theo BLHS năm 2015, cá nhân hay PNTM đều là chủ thể của tội phạm và là chủ thể của TNHS, bình đẳng trước LHS và Luật TTTH, do đó, về nguyên tắc hai chủ thể này đều có quyền và nghĩa vụ tham gia TTTH trong các giai đoạn tố tụng là như nhau. Nên các quyền và nghĩa vụ của người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố theo Điều 57 BLTTHS năm 2015 cũng cần phải quy định đối với cả PNTM bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố, chứ không chỉ có quy định quyền được thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm như quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 435 BLTTHS năm 2015. Vì thế Điều 57 cần sửa đổi với tên là: *Người, pháp*

*nhân bị tố giác; người, pháp nhân bị đề nghị khởi tố.*

Mặt khác, vì quyền và nghĩa vụ của pháp nhân bị buộc tội cũng gần tương tự như là đối với cá nhân bị buộc tội nên thiết nghĩ bỏ Điều luật 435 đồng thời nên bổ sung mới khoản 3 vào Điều 434 BLTTHS năm 2015 như sau: *Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân được thực hiện theo quy định tại các điều 57, 60, 61 của Bộ luật này, trừ những quy định chỉ áp dụng riêng cho cá nhân bị buộc tội.*

*Thứ năm*, để loại trừ trường hợp pháp nhân phạm tội trốn tránh việc truy cứu TNHS bằng cách hợp nhất, sáp nhập, chia, chuyển đổi hình thức, và nhất là thực hiện thủ tục giải thể hoặc tuyên bố phá sản pháp nhân, nên bên cạnh bốn biện pháp cưỡng chế đã quy định, Khoản 1 Điều 436 BLTTHS năm 2015 cần bổ sung thêm biện pháp cưỡng chế *“Đình chỉ có thời hạn việc chấm dứt tồn tại của pháp nhân”*.

Mặt khác, Điều 436 BLTTHS năm 2015 cũng cần bổ sung thêm khoản 3 quy định về việc thay đổi, hủy bỏ biện pháp cưỡng chế đối với pháp nhân trong đó quy định rõ căn cứ, thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện. Bổ sung quy định này để nhằm bảo đảm sự thống nhất với Điều 130 cũng như với Điểm d Khoản 1 Điều 435 BLTTHS năm 2015.

*Thứ sáu*, nghiên cứu quy định tại Điều 441 BLTTHS năm 2015 về những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự cho thấy Bộ luật đã quy định những vấn đề cần chứng minh có tính riêng biệt trong vụ án hình sự đối với pháp nhân bị buộc tội. Tuy nhiên, một số vấn đề quan trọng khác thuộc về bản chất vụ án hình sự đối với pháp nhân cần phải chứng minh thì Điều luật này lại chưa quy định, như: Ai là thành viên của pháp nhân thực hiện hành vi phạm tội; Pháp nhân nào thực hiện hành vi phạm tội; các điều kiện quy kết hành vi phạm tội cho pháp nhân; mục đích phạm tội, động cơ phạm tội của thành viên pháp nhân và của pháp nhân. Đây là những vấn đề cần phải chứng minh đặc biệt quan trọng thuộc về bản chất vụ án hình sự đối với pháp nhân. Bên cạnh đó Điều

luật cũng không quy định những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ TNHS, miễn TNHS đối với pháp nhân. Điều 441 BLTTHS năm 2015 cần sửa đổi, bổ sung như sau:

Điều 441. Những vấn đề cần phải chứng minh khi tiến hành tố tụng đối với pháp nhân bị buộc tội

1. Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội thuộc trách nhiệm hình sự của pháp nhân theo quy định của Bộ luật hình sự.

2. Thành viên nào của pháp nhân thực hiện hành vi phạm tội; Pháp nhân nào thực hiện hành vi phạm tội; Các điều kiện truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân; Năng lực trách nhiệm hình sự của cá nhân thành viên pháp nhân, tư cách pháp nhân của pháp nhân; Lỗi của cá nhân là thành viên của pháp nhân, lỗi của pháp nhân; Mục đích phạm tội, động cơ phạm tội của cá nhân thành viên pháp nhân và của pháp nhân.

3. Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội của pháp nhân gây ra.

4. Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết khác liên quan đến *loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.*

5. Nguyên nhân và điều kiện phạm tội.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Trịnh Quốc Toàn, Vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học, Tập 29, Số 1 (2013) 60-73.
- [2] Xem Code de procédure pénale (Version consolidée au 9 juin 2018), <https://www.legifrance.gouv.fr>. Quyển 4 BLTTHS này của Cộng hòa Pháp quy định về một số thủ tục tố tụng đặc biệt, trong đó dành Phần VIII (từ Điều 706-41 đến Điều 706-46) quy định những đặc thù về truy tố, dự thẩm và xét xử các tội phạm do pháp nhân thực hiện. Das Bundesgesetz über die Verantwortlichkeit von Verbänden für Straftaten (Verbandsverantwortlichkeitsgesetz - VbVG), BGBl. I Nr. 151/2005. Phần III Luật về trách

nhiệm của các pháp nhân đối với các tội phạm của Cộng hòa Áo đã quy định riêng về thủ tục đối với pháp nhân (từ Điều 13 đến Điều 27).

- [3] Về kinh nghiệm của Luật tố tụng hình sự Pháp quy định về người đại diện theo pháp luật, xem thêm Nguyễn Văn Quân, Người đại diện của pháp nhân trong tố tụng hình sự, Kiểm sát online, số 24/2017.

- [4] Xem thêm Nguyễn Hải Ninh, Biện pháp cưỡng chế đối với pháp nhân theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 2/2018.

- [5] Trịnh Quốc Toàn, Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong pháp luật hình sự, NXB Chính trị Quốc gia, 2011.

## Provisions on Criminal Proceedings Against Corporate Bodies in Criminal Procedure Code 2015

Trinh Quoc Toan

*VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** The Vietnamese State has for the first time established criminal liability of commercial corporate bodies in Criminal Procedure Code 2015 (amended in 2017) for preventing crimes under new circumstances. The Code also provides procedures for prosecuting corporate bodies. The paper analyses the provisions of Criminal Procedure Code 2015 regarding criminal procedures against corporate bodies, points out their shortcomings and recommends relevant amendments.

**Keywords:** Criminal proceedings, Criminal Procedure Code 2015, commercial corporate bodies, criminal liability of corporate bodies.